

**TÒA ÁN NHÃ DÃ
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2023.
Về việc: “Ly hôn”.

**NHÃ DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÃ DÃ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Viết Được.

Các Hội thẩm nhÃ dÃ: 1. Ông Trần Văn Chánh;

2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh -Thư ký Tòa án nhÃ dÃ thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhÃ dÃ thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhÃ dÃ thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 349/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22/02/2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 292/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn An N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 262D/4, khu phố H, phường TB, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.
Vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng S, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 262D/4, khu phố H, phường TB, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn An N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhÃ: Bà và ông Nguyễn Trọng S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhÃ dÃ phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến giữa năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhÃ do ông S không chăm lo làm ăn, thường xuyên chửi bới đánh đập bà, thường say xỉn, hiện vợ chồng đã sống ly thÃ, không còn tình cảm với ông S nên bà xin được ly hôn.

- Về con chung: Giữa bà và ông S có 02 con chung là cháu Nguyễn Trọng H, sinh ngày 15/5/2012 và Nguyễn Trọng Á, sinh ngày 20/11/2016. Ly hôn bà xin được nuôi 02 con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án gồm có: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn ông Nguyễn Trọng S đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được. Tại phiên tòa hôm nay, ông S vẫn vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhÃ dÃ thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N. Về con chung: Đề nghị giao 02 cháu Nguyễn Trọng H, sinh ngày 15/5/2012 và Nguyễn Trọng Á, sinh ngày 20/11/2016 cho bà N nuôi, tạm thời ông S không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Do hiện nay chưa có lời khai của ông S nên không có cơ sở xem xét, giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật. Về án phí bà N phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn An N khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn ông Nguyễn Trọng S có địa chỉ cư trú tại số 262D/4, khu phố H, phường TB, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhÃ dÃ thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn là ông Nguyễn Trọng S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn An N và ông Nguyễn Trọng S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số I/2011. Căn cứ Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì hôn nhân giữa bà N, ông S xác định là hôn nhân hợp pháp. Tòa án căn cứ vào các quy định của Luật

Hôn nhÃ và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành để giải quyết việc bà N xin ly hôn với ông S.

Theo bà N thì vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhÃ do ông S không chăm lo làm ăn, thường xuyên chửi bới đánh đập bà, thường say xỉn, hiện vợ chồng đã sống ly thÃ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông S đến Tòa án để tham gia hòa giải, nhưng ông S vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa hôm nay ông S vẫn vắng mặt, cho thấy ông S không còn tha thiết với việc hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhÃ vợ chồng giữa bà N và ông S lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhÃ không đạt được.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhÃ và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, cho bà N được ly hôn với ông S.

[4] Về con chung:

Giữa bà N và ông S có 02 con chung là cháu Nguyễn Trọng H, sinh ngày 15/5/2012 và Nguyễn Trọng Ã, sinh ngày 20/11/2016. Ly hôn bà N xin nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng. Qua tham khảo lời khai của cháu H là con trên 7 tuổi thì cháu có có nguyện vọng ở với bà N; cháu Ã còn nhỏ cần được sự chăm sóc của mẹ. Do đó, cần giao 02 con chung bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà N không yêu cầu nên tạm thời ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định tài sản chung tự thỏa thuận, về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Tuy N, do ông S vắng mặt, không có lời khai nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dÃ sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dÃ sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhÃ dÃ thành phố Biên Hòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn An N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn An N được ly hôn với ông Nguyễn Trọng S.

2. Về con chung: Giao 02 Nguyễn Trọng H, sinh ngày 15/5/2012 và Nguyễn Trọng Á, sinh ngày 20/11/2016 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Nguyễn An N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 0006202, ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa. Bà N đã nộp xong tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn An N, ông Nguyễn Trọng S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- THADS TP Biên Hòa;
- UBND phường Tam Hòa, TP Biên Hòa,
- T.Đồng Nai (CN số 45, ngày 28/4/2011);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Viết Được

Note: TH mục quan điểm VKS trong phần Nhận định của TA

